



**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP	9 - 41



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Ngọc Thạch	Chủ tịch	
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Bà Huỳnh Thị Kim Loan	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Đinh Tiến Long	Thành viên	
Ông Trương Bảo Kim	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Vĩnh Hòa	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Trần Phước Thái	Trưởng ban
Bà Đặng Phương Lan	Thành viên
Ông Trần Thanh Tuấn	Thành viên

#### ***Người đại diện pháp luật***

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Mai Xuân Phong - Tổng Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo).**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Mai Xuân Phong**  
**Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Số: 054/VACO/BCKi.T.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tổng hợp (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng tổng hợp").

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Các vấn đề cần nhận mạnh*

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng tổng hợp đến Thuyết minh số 5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tổng hợp. Tại đó, Tổng Công ty trình bày thông tin về việc chưa ghi nhận giao dịch góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May trên Báo cáo tài chính riêng tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng tổng hợp đến Thuyết minh số 19 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tổng hợp. Tại đó, Tổng Công ty trình bày thông tin về việc chưa nộp khoản tiền theo Bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Toà án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty được phát hành cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Theo đó, để có thông tin đầy đủ Báo cáo này cần đọc đồng thời cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.



CHI NHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN  
VACO

**Chữ Mạnh Hoan**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023*



**Phạm Hoàng Việt**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4924-2019-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>623.670.362.552</b>	<b>1.711.973.091.745</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>20.686.727.113</b>	<b>1.352.925.880.836</b>
1. Tiền	111		20.686.727.113	2.925.880.836
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.350.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>562.455.000.000</b>	<b>317.483.540.822</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	562.455.000.000	317.483.540.822
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.271.526.296</b>	<b>28.489.230.983</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.496.660.660	5.903.334.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.506.271.342	944.853.422
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	25.220.364.783	25.573.582.787
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.951.770.489)	(3.932.540.076)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.245.909.716</b>	<b>12.216.294.366</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	7.245.909.716	12.216.294.366
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.011.199.427</b>	<b>858.144.738</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	156.262.617	68.900.508
2. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	4.854.936.810	789.244.230
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.619.859.329.264</b>	<b>1.603.630.878.096</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.252.284.535</b>	<b>4.148.806.917</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	4.252.284.535	4.148.806.917
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.424.693.661</b>	<b>36.095.193.798</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.106.547.795	16.914.608.604
- Nguyên giá	222		99.260.632.836	100.254.329.254
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.154.085.041)	(83.339.720.650)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.318.145.866	19.180.585.194
- Nguyên giá	228		25.929.238.472	26.036.238.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.611.092.606)	(6.855.653.278)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>679.850.266.819</b>	<b>662.350.266.820</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	679.850.266.819	662.350.266.820
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>901.436.522.113</b>	<b>899.890.167.652</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		148.758.961.387	148.758.961.387
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		676.126.943.864	662.982.094.919
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		131.851.261.456	138.356.750.401
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(55.300.644.594)	(50.207.639.055)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>895.562.136</b>	<b>1.146.442.909</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	895.562.136	1.146.442.909
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.243.529.691.816</b>	<b>3.315.603.969.841</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>419.267.827.992</b>	<b>396.156.343.511</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>400.010.308.269</b>	<b>375.617.523.583</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	427.476.136	1.289.365.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	285.285
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	320.566.089	4.673.189.590
4. Phải trả người lao động	314		10.561.840.709	10.839.086.764
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	119.264.984.859	98.828.638.811
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	18.484.677.544	8.952.250.333
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	250.000.000.000	250.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		950.762.932	1.034.707.620
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.257.519.723</b>	<b>20.538.819.928</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	13.026.510.000	19.100.080.000
2. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	6.231.009.723	1.438.739.928
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.824.261.863.824</b>	<b>2.919.447.626.330</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.824.261.863.824</b>	<b>2.919.447.626.330</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(95.950.000)	(95.950.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.060.891.094	11.060.891.094
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		563.296.922.730	1.658.482.685.236
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		466.654.435.236	245.434.836.915
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		96.642.487.494	1.413.047.848.321
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.243.529.691.816</b>	<b>3.315.603.969.841</b>
(440 = 300 + 400)				



**Mai Xuân Phong**  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

**Vũ Thị Hồng Gấm**  
Kế toán trưởng

**Lê Cao Thùy Linh**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	113.783.952.706	149.608.815.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	25.031.058	24.275.628
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	24	113.758.921.648	149.584.539.700
4. Giá vốn hàng bán	11	25	67.591.699.130	112.313.049.239
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		46.167.222.518	37.271.490.461
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	102.379.815.824	1.422.853.566.861
7. Chi phí tài chính	22	28	5.235.985.897	16.410.532.677
8. Chi phí bán hàng	25	29	6.278.403.801	5.068.429.548
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	26.360.327.622	24.324.032.516
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		110.672.321.022	1.414.322.062.581
11. Thu nhập khác	31		70.047.306	162.866.769
12. Chi phí khác	32	30	4.091.059.696	47.677.080
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.021.012.390)	115.189.689
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		106.651.308.632	1.414.437.252.270
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	5.216.551.343	7.833.130.614
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	4.792.269.795	(6.443.726.665)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		96.642.487.494	1.413.047.848.321



  
Mai Xuân Phong  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

  
Vũ Thị Hồng Gấm  
Kế toán trưởng

  
Lê Cao Thùy Linh  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	106.651.308.632	1.414.437.252.270
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.638.126.304	3.035.652.447
- Các khoản dự phòng	03	5.112.235.952	16.277.250.102
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(17.433.516)	6.636.102
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(101.842.410.792)	(1.421.771.817.999)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.541.826.580	11.984.972.922
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.264.915.378)	26.030.892.416
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.970.384.650	(5.217.564.910)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.840.741.698	6.596.398.730
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	163.518.664	326.358.353
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.861.940.031)	(3.648.880.102)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.502.444.688)	(4.147.745.997)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.887.171.495	31.924.431.412
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(124.870.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.050.888.743.128)	(437.666.543.152)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	805.917.283.950	313.768.002.330
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.639.360.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.895.478.960	1.440.726.505.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(146.715.340.218)	1.316.703.095.002
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.187.410.985.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.187.410.985.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(1.332.239.153.723)	1.348.627.526.414
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.352.925.880.836	4.293.865.910
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quý đối ngoại tệ	61	-	4.488.512
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	20.686.727.113	1.352.925.880.836



Mai Xuân Phong  
Tổng Giám đốc  
Tp Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Vũ Thị Hồng Gấm  
Kế toán trưởng

Lê Cao Thùy Linh  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là " Tổng Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 17 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.250.000.000.000 VND, chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
Công ty TNHH Bất động sản Anh	167.500.000.000	13,40%	167.500.000.000	13,40%
Công ty TNHH Đầu tư bất động sản Hướng Công Viên	175.260.000.000	14,02%	249.560.000.000	19,96%
Cổ phiếu quỹ	95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
Các cổ đông khác	114.864.050.000	9,19%	40.564.050.000	3,25%
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.250.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 là 76 người (tại ngày 01/01/2022 là 74 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Văn phòng Tổng Công ty là:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cầu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở),
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Văn phòng Tổng Công ty là (tiếp theo):

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiều loại động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu thầu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dạy nghề;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).

Hoạt động chính của Tổng Công ty là nuôi trồng thủy sản, thương mại và dịch vụ cho thuê văn phòng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

**Cấu trúc Tổng Công ty**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	59,34%	59,34%	Sản xuất, xuất khẩu và thương mại
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, Khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau	50,83%	50,83%	Sản xuất, xuất khẩu và dịch vụ
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng	62,37%	62,37%	Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ
<b>Các công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	47,90%	47,90%	Sản xuất, thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	26,46%	26,46%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	20%	20%	Sản xuất và thương mại
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, Phường 14, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	22,59%	22,59%	Gia công, chế biến, mua bán hàng hóa nông thủy hải sản, rau quả

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc Tổng Công ty (Tiếp theo)**

**Các công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	27,75%	27,75%	Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	27,08%	27,08%	Nuôi trồng, chế biến thủy hải sản, nông sản; kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	36,40%	36,40%	Sản xuất, thương mại và chế biến thủy sản
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nãi, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Sản xuất và thương mại
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai	22,08%	22,08%	Sản xuất thức ăn chăn nuôi, thực hiện các dịch vụ chăn nuôi thú y và tổ chức chăn nuôi, thu mua gà, lợn để chế biến tiêu thụ trong nước và xuất khẩu
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công trình Việt Nam	Số 9 đường Phạm Văn Đồng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	21,4%	21,4%	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần - Seaproduct Lâm Đồng	Thôn Kơ Nết, Xã Bảo Thuận, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Seaproduct Hải Phòng - Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	Ngõ 173 đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Văn phòng Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp**

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Tổng Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Tổng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*****Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Đối với các trường hợp dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà Tổng Công ty đánh giá là cần trích lập dự phòng theo nguyên tắc thận trọng dựa trên các thông tin thu thập được. Giá trị dự phòng sẽ được Hội đồng Thẩm định của Tổng Công ty đánh giá và quyết định.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn của Tổng Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)**

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:*

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối năm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất: Chi phí Tiền thuê đất phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê từ ngày 01/01/2017 đến ngày 16/02/2024.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định: Chi phí thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 32,5 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty là lô C2 KCN Sóng Thần 2.

***Phần mềm máy vi tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 đến 10 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó Tổng Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty.

**Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	745.855.000	292.483.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.940.872.113	2.633.397.836
Các khoản tương đương tiền (i)	-	1.350.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>20.686.727.113</u></b>	<b><u>1.352.925.880.836</u></b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng)</b>	<b>562.455.000.000</b>	<b>562.455.000.000</b>	<b>317.483.540.822</b>	<b>317.483.540.822</b>
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Bình Dương	198.710.000.000	198.710.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Sài Gòn	247.590.000.000	247.590.000.000	53.620.000.000	53.620.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Gò Vấp	-	-	262.863.540.822	262.863.540.822
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
- Ngân hàng Thương mại Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hàm Nghi	67.380.000.000	67.380.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Hoàng Minh Giám	45.975.000.000	45.975.000.000	-	-

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>b) Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>956.737.166.707</b>		<b>(55.300.644.594)</b>	<b>950.097.806.707</b>		<b>(50.207.639.055)</b>
- Đầu tư vào công ty con	<b>148.758.961.387</b>		<b>(378.922.098)</b>	<b>148.758.961.387</b>		<b>(819.499.757)</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (i)	31.450.200.000	80.109.000.000	-	31.450.200.000	160.218.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (i)	79.223.570.400	32.501.977.600	-	79.223.570.400	42.912.767.300	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Việt Nam	38.085.190.987	38.590.200.000	(378.922.098)	38.085.190.987	40.344.300.000	(819.499.757)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	<b>676.126.943.864</b>		<b>(45.659.870.517)</b>	<b>662.982.094.919</b>		<b>(45.479.944.936)</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (ii)	4.867.500.000	8.956.200.000	(4.867.500.000)	4.867.500.000	11.487.300.000	(4.867.500.000)
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè (iii)	2.822.244.376	(*)	(799.970.517)	2.822.244.376	(*)	(620.044.936)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.055.024.691	(*)	-	7.055.024.691	(*)	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 (i)	9.362.396.255	(*)	-	9.362.396.255	(*)	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (i)	36.071.360.000	67.564.432.000	-	36.071.360.000	79.079.520.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 (iii)	39.992.400.000	6.520.500.000	(39.992.400.000)	39.992.400.000	17.822.700.000	(39.992.400.000)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (i)	10.918.845.000	50.226.687.000	-	10.918.845.000	50.226.687.000	-
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (iv)	4.994.824.935	(*)	-	4.994.824.935	(*)	-
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (v)	546.897.499.662	(*)	-	546.897.499.662	(*)	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công trình Việt Nam (vi)	13.144.848.945	(*)	-	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)</b>						
<b>- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>131.851.261.456</b>		<b>(9.261.851.979)</b>	<b>138.356.750.401</b>		<b>(3.908.194.362)</b>
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh	53.249.400.000	47.498.880.000	(5.750.520.000)	53.249.400.000	76.728.960.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải (i)	26.220.102.358	(*)	-	26.220.102.358	(*)	-
Công ty Cổ phần Thủy đặc sản	23.144.531.354	32.659.200.000	-	23.144.531.354	28.771.200.000	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	36.855.012.100	-	22.522.500.000	33.661.600.800	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công trình Việt Nam	-	-	-	6.505.488.945	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển nhà	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị Hàng hải - Mecom	1.307.080.395	(*)	-	1.307.080.395	(*)	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản	1.254.969.616	(*)	-	1.254.969.616	(*)	-
Công ty Cổ phần Vật tư thủy sản Việt Nam	995.940.542	(*)	(741.937.420)	995.940.542	(*)	(762.973.765)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	553.333.272	(*)	(248.146.620)	553.333.272	(*)	(553.333.272)
Công ty Cổ phần Biển Tây	455.000.000	(*)	(455.000.000)	455.000.000	(*)	(455.000.000)
Công ty Cổ phần Bao bì thủy sản	148.403.919	(*)	(66.247.939)	148.403.919	(*)	(136.887.325)

**Giá trị hợp lý (\*):**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các khoản đầu tư tài chính có giá niêm yết trên thị trường của cổ phiếu đầu tư đã được Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý và trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tổng hợp thì các khoản đầu tư tài chính khác chưa xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường của cổ phiếu đầu tư và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Thông tin bổ sung của các khoản đầu tư tài chính:**

- (i) Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của các khoản đầu tư này đều có lãi lũy kế.
- (ii) Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này do phần lỗ đã vượt giá trị khoản đầu tư.
- (iii) Hội đồng thẩm định của Tổng Công ty quyết định trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này theo các thông tin tài chính thu thập được theo nguyên tắc thận trọng.
- (iv) Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã ngưng hoạt động, đang làm thủ tục để giải thể Công ty theo quy định. Sau khi nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng từ Ủy ban Nhân dân Quận 2, Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã chuyển số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty trong năm 2017 (Xem thuyết minh số 18). Tuy nhiên, cho đến hiện tại, do Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga chưa hoàn tất việc giải thể, nên Tổng Công ty chưa xử lý bù trừ khoản đầu tư này với phần tiền đã nhận từ Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga.
- (v) Tổng Công ty đã dùng 22.000.000 cổ phần của Tổng Công ty có tại Proconco để đảm bảo cho khoản khoản vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 (Xem thuyết minh số 19). Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Proconco có lãi lũy kế.
- (vi) Tổng Công ty đã thực hiện quyền mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công trình Việt Nam theo tỷ lệ 10:7,8 tương ứng số tăng thêm là 663.936 cổ phần (Số cổ phần trước khi mua là 851.200 cổ phần) với giá trị đầu tư thêm là 6.639.360.000 VND. Theo đó, tổng số cổ phần tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 1.515.136 cổ phần, giá trị vốn góp theo mệnh giá là 15.151.360.000 VND, tương đương tăng từ 15,26% lên 21,4% tỷ lệ sở hữu theo Quyết định số 663/QĐ-2T-HĐQT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công trình Việt Nam về việc phát hành cổ phần chào bán cho các cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ Công ty – Đợt 1 năm 2022.  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2022 của khoản đầu tư này có lãi lũy kế.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ Mây số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ giá trị phần vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ Mây.

Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do các vướng mắc pháp lý gặp phải trong quá trình triển khai Dự án Cỏ Mây của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ Mây.

Ngày 26/12/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đã gửi công văn số 135/2022/CV-NKH tới Tổng Công ty với đề nghị dừng việc thực hiện Dự án Cỏ Mây và thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐKT-TSVN-NK ngày 05/3/2015 vì lý do bất khả kháng (chính sách pháp luật thay đổi), đồng thời tiến hành giải thể liên doanh – Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ Mây theo quy định. Ngày 05/01/2023, Tổng Công ty đã có công văn trả lời gửi tới Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đề nghị sau khi xin chỉ đạo từ Hội đồng Quản trị Tổng Công ty sẽ có phản hồi về hướng xử lý thích hợp đối với hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐKT-TSVN-NK ngày 05/3/2015.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Thông tin bổ sung của các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo):**

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư tài chính trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	50.207.639.055	33.857.791.068
Trích dự phòng trong năm	5.930.445.581	16.849.746.861
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(837.440.042)	(499.898.874)
Số cuối năm	<u>55.300.644.594</u>	<u>50.207.639.055</u>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nova F&B	1.114.814.131	822.290.000
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	673.778.141	551.756.250
Các đối tượng khác	2.708.068.388	4.529.288.600
Cộng	<u>4.496.660.660</u>	<u>5.903.334.850</u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Năm Căn	337.280.000	-
Công ty TNHH Đà Lạt Caviar	1.200.000.000	53.668.000
Công ty TNHH TM Hải Hòa Phát	610.830.342	610.830.342
Công ty Cổ phần SPL	159.250.000	159.250.000
Đối tượng khác	198.911.000	121.105.080
Cộng	<u>2.506.271.342</u>	<u>944.853.422</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>25.220.364.783</b>	<b>(2.390.231.205)</b>	<b>25.573.582.787</b>	<b>(2.390.231.205)</b>
Phải thu tiền cổ tức được nhận	1.616.371.800	-	319.200.000	-
Ký cược, ký quỹ	6.700.000	-	6.700.000	-
Tiền lãi dự thu	9.828.423.889	-	14.146.290.024	-
Tạm ứng	54.326.820	-	37.948.000	-
Các khoản bảo hiểm	10.121.973	-	6.243.493	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.521.188.795	(1.521.188.795)	1.521.188.795	(1.521.188.795)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng	525.747.790	(525.747.790)	525.747.790	(525.747.790)
Ông Phan Văn Trí	343.294.620	(343.294.620)	343.294.620	(343.294.620)
Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên (i)	10.308.465.041	-	7.638.610.471	-
Thoái vốn nhà nước tại Tổng Công ty	673.118.076	-	673.118.076	-
Phải thu ngắn hạn khác	332.605.979	-	355.241.518	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.252.284.535</b>	<b>(23.141.800)</b>	<b>4.148.806.917</b>	<b>(23.141.800)</b>
Ký cược, ký quỹ	4.252.284.535	(23.141.800)	4.148.806.917	(23.141.800)

- (i) Đây là khoản tiền thuê đất từ năm 2019 đến năm 2022 tại địa chỉ số 02 Ngô Gia Tự, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty với Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên. Theo điều khoản hợp đồng: "Tiền thuê đất hàng năm, hoặc tiền thuê đất trả một lần, từ thời điểm Tổng Công ty bàn giao cơ sở nhà đất để thực hiện Dự án hoặc khi có quyết định về hình thức sử dụng đất của UBND Thành phố Hà Nội. Chi phí thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất và thuê đất cho nhà nước đối với toàn bộ khu đất Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên tự chịu trách nhiệm". Hiện tại dự án vẫn chưa triển khai được.



**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>1.136.760.042</b>	<b>209.192.900</b>		<b>940.718.729</b>	<b>32.382.000</b>	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Bình Minh	150.000.000	-	Trên 3 năm	150.000.000	-	Trên 3 năm
DNTN Thương Mại Tân Vạn Phát	323.231.936	-	Trên 3 năm	379.777.623	-	Trên 3 năm
Anh Khôi - Bình Điền	281.310.000	196.917.000	Dưới 1 năm	-	-	-
Anh Trường - Bình Triệu	17.537.000	12.275.900	Dưới 1 năm	-	-	-
Các đối tượng khác	364.681.106	-	Trên 3 năm	410.941.106	32.382.000	Trên 1 năm
<b>b) Phải thu khác</b>	<b>2.413.373.005</b>			<b>2.413.373.005</b>		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng	525.747.790	-	Trên 3 năm	525.747.790	-	Trên 3 năm
Ông Phan Văn Trí	343.294.620	-	Trên 3 năm	343.294.620	-	Trên 3 năm
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.521.188.795	-	Trên 3 năm	1.521.188.795	-	Trên 3 năm
Đối tượng khác	23.141.800	-	-	23.141.800	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>610.830.342</b>			<b>610.830.342</b>		
Công ty TNHH Thương mại Hải Hòa Phát	610.830.342	-	Trên 3 năm	610.830.342	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>4.160.963.389</b>	<b>209.192.900</b>		<b>3.964.922.076</b>	<b>32.382.000</b>	

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	3.932.540.076	4.005.137.961
Trích dự phòng trong năm	85.676.100	13.878.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(66.445.687)	(86.475.885)
Số cuối năm	3.951.770.489	3.932.540.076

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	893.541.242	-	621.206.313	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.191.077.507	-	10.522.255.218	-
Hàng hóa	1.161.290.967	-	1.072.832.835	-
<b>Cộng</b>	<b>7.245.909.716</b>	<b>-</b>	<b>12.216.294.366</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	87.714.101.436	8.148.815.844	4.086.575.055	304.836.919	100.254.329.254
- Thanh lý trong năm	(552.683.749)	(22.260.000)	(150.000.000)	(268.752.669)	(993.696.418)
Số dư cuối năm	87.161.417.687	8.126.555.844	3.936.575.055	36.084.250	99.260.632.836
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	71.653.274.431	7.785.810.078	3.595.799.222	304.836.919	83.339.720.650
- Khấu hao trong năm	1.474.594.753	210.949.723	90.142.500	-	1.775.686.976
- Thanh lý trong năm	(520.309.916)	(22.260.000)	(150.000.000)	(268.752.669)	(961.322.585)
Số dư cuối năm	72.607.559.268	7.974.499.801	3.535.941.722	36.084.250	84.154.085.041
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	16.060.827.005	363.005.766	490.775.833	-	16.914.608.604
Tại ngày cuối năm	14.553.858.419	152.056.043	400.633.333	-	15.106.547.795

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 với giá trị là 61.187.102.857 VND (tại ngày 01/01/2022 với giá trị là 60.557.899.215 VND).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	25.532.342.472	503.896.000	26.036.238.472
- Thanh lý trong năm	-	(107.000.000)	(107.000.000)
Số dư cuối năm	25.532.342.472	396.896.000	25.929.238.472
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	6.453.001.547	402.651.731	6.855.653.278
- Khấu hao trong năm	785.610.540	76.828.788	862.439.328
- Thanh lý trong năm	-	(107.000.000)	(107.000.000)
Số dư cuối năm	7.238.612.087	372.480.519	7.611.092.606
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	19.079.340.925	101.244.269	19.180.585.194
Tại ngày cuối năm	18.293.730.385	24.415.481	18.318.145.866

Quyền sử dụng đất tại lô C2 KCN Sóng Thần 2 với nguyên giá đánh giá lại khi cổ phần hóa là 25.532.342.472 VND và Tổng Công ty đang thực hiện trích khấu hao Quyền sử dụng đất này trong 32,5 năm (bắt đầu từ ngày 17/4/2015 đến ngày 16/10/2047).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 với giá trị là 0 VND (tại ngày 01/01/2022 với giá trị là 107.000.000 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	679.511.118.781	662.011.118.782
Công trình Khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu	229.453.856	229.453.856
Dự án số 02 Ngô Gia Tự, TP. Hà Nội	109.694.182	109.694.182
<b>Cộng</b>	<b>679.850.266.819</b>	<b>662.350.266.820</b>

- (i) Theo Quyết định số 6739/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 về duyệt phương án giá đất theo giá thị trường của khu đất số 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần, mặc dù Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, tài chính để được chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và đã được Chi cục thuế Quận 1 xác nhận Tổng Công ty đã nộp tiền đất tại ngày 24/01/2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 814 tại ngày 27/01/2017 nhưng cho đến hiện nay, Tổng Công ty vẫn chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện triển khai Dự án xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ trên khu đất này.

Giá trị quyền sử dụng đất tại 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm giá trị đất, tài sản trên đất, chi phí lãi vay vốn hóa liên quan đến khoản vay của Công ty Cổ phần Bắc Nam 79 dùng để thanh toán cho việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất. Cho đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2022, Tổng Công ty vẫn chưa được cấp Cơ quan quản lý nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khu đất này.

Trong đó, chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 118.821.738.781 VND.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>156.262.617</b>	<b>68.900.508</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.123.729	16.462.203
Thuê nhà kho, mặt hồ	145.138.888	31.250.000
Các khoản khác	-	21.188.305
<b>b) Dài hạn</b>	<b>895.562.136</b>	<b>1.146.442.909</b>
Tiền thuê đất trả 1 lần tại Thành phố Hải Phòng	309.605.232	584.809.860
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	273.590.578	285.085.981
Chi phí khác	312.366.326	276.547.068
<b>Cộng</b>	<b>1.051.824.753</b>	<b>1.215.343.417</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	218.801.955	-
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Ngọc Long	-	770.800.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	-	207.300.000
Đối tượng khác	208.674.181	311.265.180
<b>Cộng</b>	<b>427.476.136</b>	<b>1.289.365.180</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>				
Tiền thuê đất	-	789.244.230	-	789.244.230
Thuế thu nhập cá nhân	393.798.634	-	(393.798.634)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.461.138.176	-	(4.461.138.176)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.854.936.810</b>	<b>789.244.230</b>	<b>(4.854.936.810)</b>	<b>789.244.230</b>

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội	319.566.089	4.226.239.996	(4.185.467.307)	278.793.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.216.551.343	(9.400.801.855)	4.184.250.512
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.393.377.477	(4.603.523.155)	210.145.678
Tiền thuê đất	-	4.542.556.127	(4.542.556.127)	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	534.651.059	(534.651.059)	-
Các loại thuế, phí khác	1.000.000	7.000.000	(6.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>320.566.089</b>	<b>18.920.376.002</b>	<b>(23.272.999.503)</b>	<b>4.673.189.590</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	105.951.368.228	88.451.368.229
Tiền thuê đất	13.024.949.634	10.234.397.314
Chi phí trích trước khác	288.666.997	142.873.268
<b>Cộng</b>	<b>119.264.984.859</b>	<b>98.828.638.811</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>18.484.677.544</b>	<b>8.952.250.333</b>
Cổ tức phải trả	570.000	1.805.000
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (i)	4.994.824.935	4.994.824.935
Ngô Quang Huy (tiền thi hành án)	1.776.021.500	1.776.021.500
Trợ cấp thôi việc	871.872.062	871.872.062
Nhận ký quỹ, ký cược	6.329.770.000	676.000.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.870.768.571	-
Các khoản phải trả khác	640.850.476	631.726.836
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.026.510.000</b>	<b>19.100.080.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.026.510.000	19.100.080.000

- (i) Là số dư liên quan đến khoản Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã chuyển tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (xem thuyết minh số 5).



**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo***19. VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả		Giảm	Tăng	Số có khả năng	
	Giá trị	nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 (i)	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng đất của khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 22.000.000 cổ phần của Tổng Công ty có tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (Xem thuyết minh số 5).

Tại bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13/6/2019, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra Quyết định có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích của Tổng Công ty như sau: “Buộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam nộp số tiền 250.000.000.000 VND (tiền gốc) và 18.403.423.025 VND (tiền lãi) đã vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ của pháp nhân, trách nhiệm của bị cáo Phan Văn Anh Vũ trong vụ án này và các giao dịch khác có liên quan”.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội ra Quyết định thi hành án chủ động số 910/QĐ-CTHADS yêu cầu Tổng Công ty thi hành bản án trên. Ngày 06/02/2023, Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga - Cục THADS TP.Hà Nội ra quyết định số 21/QĐ-CTHADS (QĐ 21) về việc khấu trừ tiền trong tài khoản của Tổng Công ty để thi hành án với số tiền là 3.754.254.000 VND và 182 USD từ tài khoản trong Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB); ngày 10/02/2023, VCB đã trích 1.083.797.631 VND và 182 USD từ tài khoản của Tổng Công ty để chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội theo như thông báo ngày 13/02/2023.

Tổng Công ty đã gửi Công văn số 51/TSVN-TCKT cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 thông báo trừ vào nợ gốc khoản vay theo QĐ 21, tuy nhiên Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 có văn bản phản hồi không đồng ý. Ngày 01/3/2023, Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 đã gửi Đơn kiến nghị khẩn cấp tới các Cơ quan chức năng về việc hủy bỏ quyết định buộc Tổng Công ty nộp số tiền gốc, lãi đã vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ của pháp nhân, trách nhiệm của bị cáo Phan Văn Anh Vũ tại bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13/6/2019.

Cho đến hiện nay, Tổng Công ty tạm thời chưa nộp tiền theo Quyết định 910 và đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến Quyết định này.



**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**20. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	6.231.009.723	1.438.739.928
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>6.231.009.723</b>	<b>1.438.739.928</b>

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	1.250.000.000.000	(95.950.000)	8.050.891.094	252.596.686.915	1.510.551.628.009
Lãi năm trước	-	-	-	1.413.047.848.321	1.413.047.848.321
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.010.000.000	(3.010.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.151.850.000)	(4.151.850.000)
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>1.250.000.000.000</b>	<b>(95.950.000)</b>	<b>11.060.891.094</b>	<b>1.658.482.685.236</b>	<b>2.919.447.626.330</b>
Lãi trong năm	-	-	-	96.642.487.494	96.642.487.494
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(1.187.409.750.000)	(1.187.409.750.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(4.418.500.000)	(4.418.500.000)
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>1.250.000.000.000</b>	<b>(95.950.000)</b>	<b>11.060.891.094</b>	<b>563.296.922.730</b>	<b>1.824.261.863.824</b>

- (i) Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022.

*Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 03 ngày 08/11/2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.250.000.000.000 VND, tương ứng với 125.000.000 cổ phần.

Tại ngày 31/12/2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
Công ty TNHH Bất động sản Anh	167.500.000.000	13,40%	167.500.000.000	13,40%
Công ty TNHH Đầu tư bất động sản Hương Công Viên	175.260.000.000	14,02%	249.560.000.000	19,96%
Cổ phiếu quỹ	95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
Các cổ đông khác	114.864.050.000	9,19%	40.564.050.000	3,25%
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.250.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Vốn cổ phần*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
+ Cổ phần phổ thông	125.000.000	125.000.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	9.500	9.500
+ Cổ phần phổ thông	9.500	9.500
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	124.990.500	124.990.500
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Ngoại tệ*

Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2022 bao gồm 183,42 USD (tại ngày 01/01/2022 là 1.279,80 USD).

*Nợ khó đòi đã xử lý*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt	47.914.627	47.914.627
Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Thuận	41.000.000	41.000.000
Thuế Xuất nhập khẩu nộp 2 lần tại Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh	6.231.565	6.231.565
Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà	187.452.000	187.452.000
<b>Cộng</b>	<b>282.598.192</b>	<b>282.598.192</b>

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là nuôi trồng và thương mại ngành thủy sản. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

**Khu vực địa lý**

Ba bộ phận địa lý chính của Tổng Công ty là Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng và Thành phố Hải Phòng. Tổng Công ty trình bày theo báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Lâm Đồng	Tổng cộng
<b>Năm nay / Số cuối năm</b>				
1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	86.879.255.267	4.757.032.439	22.122.633.942	113.758.921.648
2. Giá trị còn lại của Tài sản cố định	31.455.911.930	1.505.452.734	463.328.997	33.424.693.661
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định (theo vị trí của tài sản)	-	-	-	-
<b>Năm trước / Số đầu năm</b>				
1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	125.284.312.063	4.687.292.818	19.612.934.819	149.584.539.700
2. Giá trị còn lại của Tài sản cố định	33.084.522.170	2.300.436.145	710.235.483	36.095.193.798
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định (theo vị trí của tài sản)	124.870.000	-	-	124.870.000

**24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>113.783.952.706</b>	<b>149.608.815.328</b>
Doanh thu bán hàng hóa	36.992.163.651	92.449.861.017
Doanh thu bán thành phẩm	22.177.401.400	12.445.517.950
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.614.387.655	44.713.436.361
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>25.031.058</b>	<b>24.275.628</b>
Chiết khấu thương mại	25.031.058	24.275.628
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>113.758.921.648</b>	<b>149.584.539.700</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	34.447.037.708	87.797.365.499
Giá vốn của thành phẩm đã bán	15.630.681.103	8.829.756.695
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	17.513.980.319	15.685.927.045
<b>Cộng</b>	<b>67.591.699.130</b>	<b>112.313.049.239</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo***26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.547.721.317	11.664.109.605
Chi phí nhân công	26.556.060.962	24.988.865.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.638.126.304	3.035.652.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.391.258.869	3.739.063.183
Chi phí khác bằng tiền	17.319.047.682	14.463.637.787
<b>Cộng</b>	<b>60.452.215.134</b>	<b>57.891.328.480</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	40.639.230.517	23.341.426.048
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	169.921.708	111.694.891
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.065.632.400	1.398.318.697.060
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.067.010.266
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	487.597.683	14.738.596
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	17.433.516	-
<b>Cộng</b>	<b>102.379.815.824</b>	<b>1.422.853.566.861</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	5.093.005.539	16.349.847.987
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	253.085	54.048.588
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	-	6.636.102
Chi phí khác	142.727.273	-
<b>Cộng</b>	<b>5.235.985.897</b>	<b>16.410.532.677</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo***29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	3.880.929.982	3.031.215.878
Chi phí vật liệu, bao bì	206.267.920	43.923.700
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	99.587.542	141.866.816
Chi phí khấu hao TSCĐ	115.642.500	165.844.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	819.532.656	624.161.574
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.156.443.201	1.061.417.024
<b>Cộng</b>	<b>6.278.403.801</b>	<b>5.068.429.548</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	20.101.863.136	19.548.862.586
Chi phí vật liệu quản lý	119.642.214	175.950.081
Chi phí đồ dùng văn phòng	413.815.136	367.797.937
Chi phí khấu hao TSCĐ	597.683.018	574.377.338
Thuế, phí và lệ phí	694.712.371	685.408.804
Chi phí trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	19.230.413	(72.597.885)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.209.136.505	1.623.512.298
Các khoản chi phí QLDN khác	2.204.244.829	1.420.721.357
<b>Cộng</b>	<b>26.360.327.622</b>	<b>24.324.032.516</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của TSCĐ	32.373.833	-
Lãi chậm nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.870.768.571	-
Các khoản bị phạt	187.615.979	-
Các khoản khác.	301.313	47.677.080
<b>Cộng</b>	<b>4.091.059.696</b>	<b>47.677.080</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>106.651.308.632</b>	<b>1.414.437.252.270</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế</b>		
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>4.482.499.077</i>	<i>470.981.999</i>
- Chi phí không được trừ	4.482.499.077	464.345.897
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.636.102
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>85.051.050.994</i>	<i>1.366.101.819.966</i>
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.433.516	1.756.233
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm trước	6.636.102	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.065.632.400	1.398.318.697.060
- Chênh lệch tạm thời không chịu thuế từ dự phòng các khoản đầu tư tài chính	23.961.348.976	(32.218.633.327)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>26.082.756.715</b>	<b>48.806.414.303</b>
Chuyển lỗ	-	(9.640.761.232)
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>26.082.756.715</b>	<b>39.165.653.071</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>5.216.551.343</b>	<b>7.833.130.614</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế liên quan đến dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	250.000.000.000	250.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	20.686.727.113	1.352.925.880.836
Nợ thuần	229.313.272.887	(1.102.925.880.836)
Vốn chủ sở hữu	1.824.261.863.824	2.919.447.626.330
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>12,57%</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.686.727.113	1.352.925.880.836
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.704.228.134	27.499.729.561
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	562.455.000.000	317.483.540.822
Các khoản ký quỹ	4.258.984.535	4.155.506.917
<b>Tổng cộng</b>	<b>613.104.939.782</b>	<b>1.702.064.658.136</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	250.000.000.000	250.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	31.915.592.361	29.341.695.513
Chi phí phải trả	119.264.984.859	98.828.638.811
<b>Tổng cộng</b>	<b>401.180.577.220</b>	<b>378.170.334.324</b>

Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như trình bày tại Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro lãi suất***

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối năm	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.686.727.113	-	20.686.727.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.704.228.134	-	25.704.228.134
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	562.455.000.000	-	562.455.000.000
Các khoản ký quỹ	6.700.000	4.252.284.535	4.258.984.535
<b>Tổng cộng</b>	<b>608.852.655.247</b>	<b>4.252.284.535</b>	<b>613.104.939.782</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	18.889.262.361	13.026.330.000	31.915.592.361
Chi phí phải trả	119.264.984.859	-	119.264.984.859
<b>Tổng cộng</b>	<b>388.154.247.220</b>	<b>13.026.330.000</b>	<b>401.180.577.220</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>220.698.408.027</b>	<b>(8.774.045.465)</b>	<b>211.924.362.562</b>
<b>Số đầu năm</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.352.925.880.836	-	1.352.925.880.836
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.499.729.561	-	27.499.729.561
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	317.483.540.822	-	317.483.540.822
Các khoản ký quỹ	6.700.000	4.148.806.917	4.155.506.917
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.697.915.851.219</b>	<b>4.148.806.917</b>	<b>1.702.064.658.136</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	10.241.615.513	19.100.080.000	29.341.695.513
Chi phí phải trả	98.828.638.811	-	98.828.638.811
<b>Tổng cộng</b>	<b>359.070.254.324</b>	<b>19.100.080.000</b>	<b>378.170.334.324</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.338.845.596.895</b>	<b>(14.951.273.083)</b>	<b>1.323.894.323.812</b>

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG TỔNG HỢP**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm số tiền lãi dự thu và số tiền cổ tức trong năm mà chưa được thanh toán tại ngày 31/12/2022 lần lượt là 9.828.423.889 VND và 1.616.371.800 VND (tại ngày 01/01/2022 lần lượt là 14.146.290.024 VND và 319.200.000 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Mai Xuân Phong  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Vũ Thị Hồng Gấm  
Kế toán trưởng

Lê Cao Thùy Linh  
Người lập biểu